

Bản tin Phân tích kỹ thuật

16/04/2026

Vietcap 



Vũ Minh Đức
Phó Giám đốc
duc.vu@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.363

Lê Hải Đăng
Chuyên viên
dang.le@vietcap.com.vn
+8428 3914 3588 ext.570

Chiến lược HDTL chỉ số VN30



Nhận định:

- 4111G5000 duy trì đà tăng về cuối ngày, đóng cửa trên đường MA20 và MA50. Xác suất nghiêng về phía tiếp tục tăng giá trong phiên 17/04. (M15)
- Khuyến nghị mở vị thế mua trên 4111G5000 quanh 1.967 điểm với mục tiêu là 1.977 điểm và dừng lỗ khi vi phạm đường MA20 tại 1.963 điểm.

Chiến lược:

- Mua (B): 1.967 điểm
- Mục tiêu (TP): 1.977 điểm
- Dừng lỗ (SL): 1.963 điểm

Quan điểm kỹ thuật

	Ngắn hạn	Trung hạn
VN-Index	Tích cực	Tích cực
VN30	Tích cực	Tích cực
VNMid	Tích cực	Trung tính
VNSmall	Tích cực	Trung tính
HNX	Tích cực	Trung tính

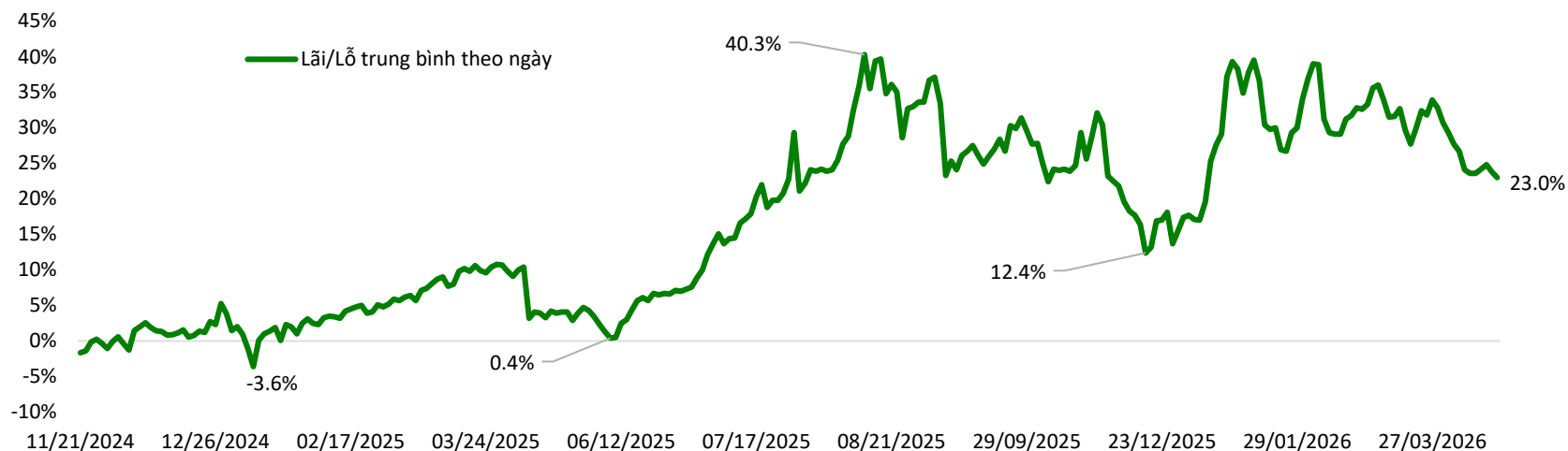


Nguồn: Vietcap

- Hoạt động giao dịch phân hóa mạnh trong phiên 16/04 khi lực cầu thu hẹp và chỉ tập trung ở một số cổ phiếu riêng lẻ như Ngân hàng (SHB), Bất động sản (KBC), Tiêu dùng (MSN), Bán lẻ (MWG),... Ở chiều ngược lại, lực bán có mức độ bao phủ tương đương phiên 15/04 nhưng áp lực vẫn thấp.
- Đánh giá tổng quan, sau phiên 08/04, trạng thái tăng giá của VN-Index vẫn phụ thuộc đáng kể vào nhóm Vingroup. Tuy nhiên, tại các nhóm ngành dẫn dắt khác như Ngân hàng, Bán lẻ và Tiêu dùng,..., áp lực bán vẫn ở mức thấp và chưa phát đi tín hiệu cảnh báo.
- Về tín hiệu kỹ thuật, VN-Index vận động trên đường MA50 và MA200, qua đó duy trì tín hiệu tăng và mở ra khả năng hướng lên vùng đỉnh cũ 1.900–1.920 điểm. Dù vậy, sự phụ thuộc vào nhóm Vingroup khiến chỉ số khó tránh khỏi các nhịp điều chỉnh ngắn hạn khi lực bán xuất hiện tại nhóm này.
- Trong bối cảnh đó, chúng tôi cho rằng các nhóm ngành khác như Ngân hàng, Bán lẻ, Tiêu dùng vẫn đủ điều kiện cân bằng về mặt điểm số, qua đó hỗ trợ VN-Index duy trì xu hướng tăng hiện tại.

Bảng theo dõi những vị thế đang mở

BẢNG THEO DÕI NHỮNG VỊ THẾ ĐANG MỞ										
Mã	Ngày mở	Ngày đóng	Trạng thái	Giá hiện tại	Giá mở	Lãi/Lỗ hiện tại	Ngưỡng dừng lỗ	Giá mục tiêu	Ngưỡng dừng lỗ mới	Giá mục tiêu mới
CTD	10/04/2026		Đang mở	81,800	81,900	-0.1%	79,000	92,000		
MBB	15/04/2026		Đang mở	26,300	26,600	-1.1%	26,000	28,600		



Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu vốn hóa lớn trên HOSE

TOP 15 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ VNINDEX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	189,300	6.95%	26.88%	1,458,752	19.517	1,468	9.9	129.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	143,100	4.45%	17.30%	587,771	5.039	10,200	2.5	14.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCB	59,400	-0.83%	0.00%	496,327	-0.798	4,210	2.2	14.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VCK	34,350	-4.85%	-7.91%	83,639	-0.781	1,791	2.8	19.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
VPL	86,100	2.50%	7.63%	154,403	0.743	615	4.2	140.1	Tích cực	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực
CTG	34,600	-1.28%	-1.14%	268,736	-0.664	4,455	1.5	7.8	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
GVR	32,200	-2.42%	-1.83%	128,800	-0.601	1,330	2.3	24.2	Trung tính	Tích cực	Trung tính	Trung tính
GEE	187,100	-3.80%	-4.30%	68,479	-0.502	8,918	8.5	21.0	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBB	26,300	-1.13%	-0.75%	211,846	-0.460	3,325	1.6	7.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TCX	51,000	-1.92%	-1.35%	117,891	-0.436	2,713	2.7	18.8	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPB	27,600	0.91%	1.85%	218,976	0.385	3,024	1.3	9.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MWG	81,300	1.63%	0.74%	119,383	0.374	4,775	3.7	17.0	Trung tính	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
GAS	78,400	-1.01%	0.00%	189,175	-0.368	4,730	2.9	16.6	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BSR	25,800	-1.34%	3.20%	129,188	-0.333	1,041	2.1	24.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	74,100	-1.33%	-5.36%	126,230	-0.324	5,515	3.5	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính

Tín hiệu kỹ thuật các cổ phiếu HNX và UpCom

TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ HNX												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
KSF	92,400	10.00%	13.37%	83,140	4.135	17,930	4.9	5.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KSV	161,300	-2.24%	3.33%	32,260	-0.360	9,851	6.3	16.4	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính
NVB	11,000	-1.79%	0.92%	21,171	-0.188	0	1.6	186,807.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
IDC	48,800	1.88%	0.21%	18,520	0.173	5,090	2.9	9.6	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MBS	20,400	-1.45%	-2.86%	20,419	-0.147	1,827	2.4	11.2	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	38,300	-1.03%	2.13%	19,587	-0.101	3,616	1.3	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
SHS	18,400	1.10%	2.22%	16,550	0.090	1,500	1.3	12.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
CEO	17,600	1.73%	1.73%	9,987	0.086	312	1.6	56.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DNP	19,000	-4.04%	-4.04%	2,678	-0.054	1,027	1.2	18.5	Tiêu cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HHC	91,000	7.06%	-25.29%	1,495	0.052	2,880	2.3	31.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực

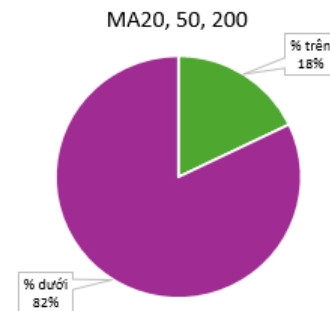
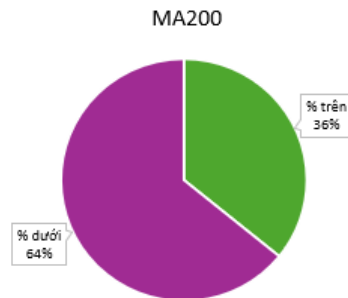
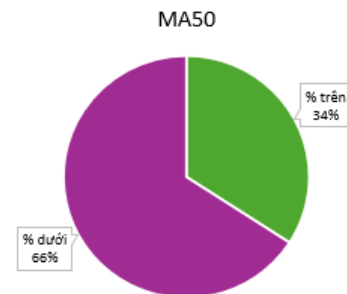
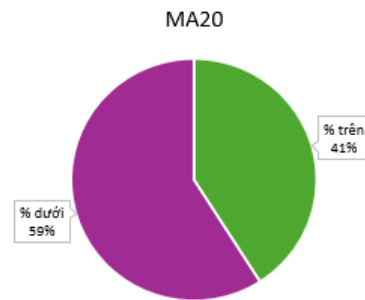
TOP 10 ĐÓNG GÓP VÀO CHỈ SỐ UPCOM												
Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Vốn hóa (tỷ VND)	Thay đổi chỉ số	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VGI	92,600	-1.80%	0.76%	282,234	-2.663	3,056	6.9	30.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DNH	42,600	14.82%	14.82%	17,994	1.396	2,166	3.5	19.7	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
MVN	53,600	3.88%	2.10%	63,204	1.282	1,622	4.5	32.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACV	46,300	-0.86%	-0.43%	166,725	-0.747	3,019	2.4	15.4	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
MSR	47,200	2.39%	3.96%	51,353	0.641	10	4.2	4,545.4	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
SJG	20,000	-12.66%	-9.09%	8,991	-0.596	3,774	1.2	5.3	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VCR	42,000	10.53%	-4.55%	8,820	0.486	-369	5.9	-113.9	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
DCV	154,100	-12.44%	-2.96%	4,808	-0.313	3,750	6.2	41.1	Tiêu cực	Tích cực	Trung tính	Trung tính
PHP	36,200	4.32%	9.70%	11,765	0.266	2,518	2.0	14.3	Tích cực	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
VEF	109,200	-2.15%	0.37%	18,284	-0.206	92,449	2.7	1.2	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Cổ phiếu vượt đỉnh, phá đáy 52w, thanh khoản đột biến

VƯỢT ĐỈNH 52 TUẦN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	189,300	6.9%	1412.5	577.1	29,300	179,000	9.9	129.0	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	92,400	10.0%	6.7	2.7	57,500	90,900	4.9	5.2	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Trung tính

KLGD ĐỘT BIẾN												
Mã	Giá	Thay đổi Giá	GTGD (tỷ VND)	GTGD TB 30 phiên	Giá thấp nhất 52 tuần	Giá cao nhất 52 tuần	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
ACC	12,400	0.0%	11.1	1.5	12,300	14,400	0.9	25.0	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
BIG	7,100	14.5%	11.0	2.5	4,528	9,700	1.1	3.2	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BFC	62,300	6.9%	47.7	13.2	35,921	76,100	2.6	11.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VIW	30,500	-14.1%	8.4	3.4	7,200	61,000	3.0	120.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BWE	43,100	-1.3%	26.7	10.7	40,820	51,316	1.6	9.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường



Tương quan đo lường mức độ tích cực của thị trường

Ngày			16/04/2026	15/04/2026	14/04/2026	13/04/2026	10/04/2026	09/04/2026	08/04/2026	07/04/2026
VNINDEX	MA200	Trên	32%	32%	33%	35%	33%	32%	33%	27%
		Dưới	68%	68%	67%	65%	67%	68%	67%	73%
	MA50	Trên	38%	40%	39%	38%	38%	36%	34%	20%
		Dưới	62%	60%	61%	62%	62%	64%	66%	80%
	MA20	Trên	56%	61%	61%	59%	60%	57%	59%	30%
		Dưới	44%	39%	39%	41%	40%	43%	41%	70%
VN30	MA200	Trên	40%	47%	43%	47%	47%	43%	50%	30%
		Dưới	60%	53%	57%	53%	53%	57%	50%	70%
	MA50	Trên	43%	50%	40%	40%	43%	43%	43%	7%
		Dưới	57%	50%	60%	60%	57%	57%	57%	93%
	MA20	Trên	83%	83%	90%	87%	87%	87%	90%	33%
		Dưới	17%	17%	10%	13%	13%	13%	10%	67%
HNX	MA200	Trên	37%	37%	38%	38%	39%	38%	38%	35%
		Dưới	63%	63%	62%	62%	61%	62%	62%	65%
	MA50	Trên	38%	37%	41%	41%	39%	38%	40%	35%
		Dưới	62%	63%	59%	59%	61%	62%	60%	65%
	MA20	Trên	37%	37%	38%	38%	39%	38%	38%	35%
		Dưới	63%	63%	62%	62%	61%	62%	62%	65%
UPCOM	MA200	Trên	33%	34%	34%	35%	34%	33%	35%	30%
		Dưới	67%	66%	66%	65%	66%	67%	65%	70%
	MA50	Trên	32%	33%	33%	33%	33%	32%	32%	31%
		Dưới	68%	67%	67%	67%	67%	68%	68%	69%
	MA20	Trên	37%	37%	38%	38%	38%	37%	38%	37%
		Dưới	63%	63%	62%	62%	62%	63%	62%	63%

Tương quan đo lường mức độ tích cực của ngành

Ngành 16		Tháng 4												Tháng 3							
		16 ↓	15	14	13	10	09	08	07	06	03	02	01	31	30	27	26	25	24	23	20
1	Bất động sản	68	67	64	60	63	62	57	47	48	51	53	50	47	48	39	37	34	28	27	31
2	Xây dựng và Vật liệu	60	64	63	58	62	59	52	43	45	48	52	54	52	50	49	47	42	37	38	42
3	Tài nguyên Cơ bản	59	61	54	51	58	57	52	45	45	47	48	48	50	50	46	46	45	45	48	50
4	Bán lẻ	57	57	58	55	62	62	55	47	48	50	53	57	54	53	53	50	45	40	39	43
5	Du lịch và Giải trí	57	50	45	44	45	47	46	39	38	40	41	38	34	33	31	25	20	18	19	21
6	Dịch vụ tài chính	54	55	54	50	53	56	49	37	34	41	44	39	34	34	34	32	28	27	29	30
7	Ngân hàng	53	57	56	53	57	57	50	36	36	35	39	41	37	35	32	32	31	26	28	33
8	Thực phẩm và đồ uống...	52	53	51	52	55	54	50	40	40	36	39	38	38	37	34	33	31	30	30	34
9	Ô tô và phụ tùng	51	52	53	53	52	51	49	45	47	51	50	49	50	50	46	44	39	34	33	33
10	Hàng cá nhân & Gia...	50	49	51	45	47	51	42	34	34	37	39	41	43	44	45	43	41	39	43	48
11	Điện, nước & xăng d...	49	52	52	53	53	53	54	49	51	52	55	58	59	61	66	67	65	61	62	64
12	Hàng & Dịch vụ Côn...	45	48	49	49	52	53	50	45	40	42	44	45	43	41	44	43	39	36	39	44
13	Hóa chất	39	42	41	42	43	42	38	34	37	40	39	38	38	40	43	39	37	37	42	48
14	Bảo hiểm	37	42	44	42	50	55	55	51	58	63	61	59	57	57	51	52	48	41	35	34
15	Dầu khí	37	38	41	42	39	39	40	38	41	43	44	46	48	49	53	53	52	50	54	60
16	Công nghệ Thông tin	23	26	27	23	26	30	21	15	16	17	18	15	14	16	13	13	12	10	10	11

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tích cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
VIC	189,300	6.9%	26.9%	1,458,752	9.9	129.0	1,468	1,412.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHM	143,100	4.5%	17.3%	587,771	2.5	14.0	10,200	1,168.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
KSF	92,400	10.0%	13.4%	83,140	4.9	5.2	17,930	6.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
KBC	34,950	5.0%	3.1%	32,914	1.3	14.3	2,450	228.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
HCM	26,850	0.0%	6.5%	28,997	2.0	18.5	1,454	773.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VPI	59,000	0.3%	3.7%	18,883	3.6	48.3	1,221	37.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tiêu cực
IDC	48,800	1.9%	0.2%	18,520	2.9	9.6	5,090	129.4	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
SIP	61,500	1.0%	0.2%	14,890	2.9	11.3	5,464	12.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
VHC	61,700	1.1%	2.5%	13,849	1.4	9.8	6,319	42.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
PHP	36,200	4.3%	9.7%	11,765	2.0	14.3	2,518	11.6	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tiêu cực
BAF	36,200	-0.3%	2.7%	11,006	2.7	82.3	440	85.8	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
HNG	6,400	1.6%	0.0%	6,982	6.7	-7.1	-890	7.1	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
TLG	51,200	-3.2%	2.5%	4,942	2.0	11.0	4,669	8.5	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
MSH	37,600	2.7%	0.3%	4,231	2.2	6.9	5,456	11.0	Tích cực	9.5	Trung tính	Trung tính	Tích cực
BFC	62,300	6.9%	12.3%	3,562	2.6	11.5	5,420	47.7	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
DHC	36,450	1.1%	0.1%	3,521	1.6	9.0	4,069	18.4	Tích cực	9.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
LSG	35,000	1.4%	1.4%	3,113	2.9	151.8	228	5.0	Tích cực	9.5	Tích cực	Trung tính	Trung tính
VVS	130,000	4.1%	31.3%	2,798	4.3	8.7	14,919	23.9	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Trung tính
CDC	27,500	4.6%	17.5%	1,451	2.5	79.9	344	29.2	Tích cực	9.5	Tích cực	Tích cực	Tích cực
NRC	6,200	-1.6%	8.8%	574	0.6	65.1	95	9.3	Tích cực	9.5	Tích cực	Tiêu cực	Tiêu cực

Top các cổ phiếu có tín hiệu kỹ thuật Tiêu cực

Mã	Giá	Tăng giảm 1 phiên	Tăng giảm 5 phiên	Vốn hóa (tỷ đồng)	PB	PE	EPS	KLGD (tỷ đồng)	Xu hướng	Sum	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
DCL	37,300	0.4%	-17.1%	2,724	1.8	139.6	267	36.4	Tiêu cực	-9.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SSB	16,650	-1.5%	-2.9%	47,369	1.2	8.6	1,938	32.8	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PAC	23,550	-1.9%	-4.8%	1,642	1.6	14.0	1,688	19.3	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTI	22,250	-2.2%	-4.5%	1,402	0.9	9.5	2,337	15.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CRC	9,130	-0.7%	-2.8%	974	1.2	12.2	747	17.0	Tiêu cực	-7.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
ACC	12,400	0.0%	-0.8%	1,302	0.9	25.0	496	11.1	Tiêu cực	-6.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
VNM	61,100	-0.3%	-1.1%	127,696	4.2	13.6	4,503	139.3	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	74,100	-1.3%	-5.4%	126,230	3.5	13.4	5,515	842.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PLX	39,100	-1.8%	-1.0%	49,680	1.9	18.6	2,106	131.4	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
KDC	47,900	-1.1%	-1.8%	13,882	2.0	26.6	1,803	7.9	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Tiêu cực
HAH	54,100	-0.6%	-2.5%	10,054	2.2	7.6	7,151	30.5	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
CMG	28,500	-2.1%	-1.0%	6,638	2.1	16.8	1,700	15.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
LAS	16,700	0.0%	-0.6%	1,885	1.3	11.5	1,455	5.1	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
CTF	18,400	-0.5%	-1.1%	1,760	1.8	193.2	95	5.2	Tiêu cực	-5.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
HQC	2,590	-1.5%	-3.0%	1,623	0.3	21.4	121	6.8	Tiêu cực	-5.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVS	38,300	-1.0%	2.1%	19,587	1.3	10.6	3,616	102.1	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
TAL	44,000	-0.8%	-1.8%	15,840	2.9	22.3	1,977	10.5	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
HDG	27,900	-1.8%	-1.4%	10,322	1.5	13.4	2,082	65.9	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VSC	23,800	-2.1%	-4.4%	8,910	1.7	26.0	915	230.7	Tiêu cực	-4.5	Trung tính	Tích cực	Tích cực
GEG	15,300	-0.3%	0.3%	5,482	1.3	9.1	1,678	12.0	Tiêu cực	-4.5	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính

Top các cổ phiếu theo dõi có upside dài hạn lớn

Mã	Giá	Thay đổi giá 1 ngày	Thay đổi giá 5 ngày	Giá mục tiêu	% Upside	EPS trượt	PB	PE	Xu hướng	Xu hướng T-1	Xu hướng T-2	Xu hướng T-3
STK	13,900	2.21%	0.72%	25,500	83.5%	357	1.1	39.0	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
KDH	26,300	-0.94%	0.38%	43,700	66.2%	936	1.6	28.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
DGC	54,900	0.55%	3.39%	91,200	66.1%	7,965	1.4	6.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
NLG	28,750	-0.69%	-2.21%	45,800	59.3%	1,805	1.1	15.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
FPT	74,100	-1.33%	-5.36%	116,600	57.4%	5,515	3.5	13.4	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính
PVS	38,300	-1.03%	2.13%	58,100	51.7%	3,616	1.3	10.6	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Trung tính
BMI	15,700	-0.95%	0.00%	23,100	47.1%	1,708	0.8	9.2	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
SZC	29,250	1.21%	1.74%	42,400	45.0%	1,916	1.6	15.3	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PVT	21,250	-0.47%	-2.07%	30,800	44.9%	2,208	1.2	9.6	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Tích cực
SSI	28,850	0.52%	0.35%	40,800	41.4%	1,956	2.3	14.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VGC	46,200	0.00%	0.43%	64,100	38.7%	3,130	2.4	14.8	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
VPB	27,600	0.91%	1.85%	38,000	37.7%	3,024	1.3	9.1	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
PLC	23,200	-1.28%	-0.85%	31,900	37.5%	334	1.5	69.5	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính
BWE	43,100	-1.26%	0.00%	58,700	36.2%	4,506	1.6	9.6	Tiêu cực	Trung tính	Trung tính	Trung tính
ACB	23,650	-0.63%	-0.84%	32,000	35.3%	3,042	1.3	7.8	Trung tính	Trung tính	Tích cực	Trung tính
GEX	40,000	0.00%	-1.23%	54,000	35.0%	1,638	2.0	24.4	Tích cực	Trung tính	Tích cực	Tích cực
MBB	26,300	-1.13%	-0.75%	35,000	33.1%	3,325	1.6	7.9	Trung tính	Tích cực	Tích cực	Tích cực
ACG	34,500	1.62%	0.44%	45,800	32.8%	3,342	1.2	10.3	Trung tính	Tiêu cực	Tiêu cực	Tiêu cực
HPG	27,950	-0.36%	-1.06%	36,600	30.9%	2,013	1.7	13.9	Tích cực	Tích cực	Tích cực	Tích cực
HDC	18,800	-0.27%	-2.08%	24,600	30.9%	3,199	1.3	5.9	Trung tính	Trung tính	Trung tính	Trung tính

Khuyến cáo

Chúng tôi xác nhận rằng những quan điểm được trình bày trong báo cáo này phản ánh đúng quan điểm cá nhân của chúng tôi về công ty này. Chúng tôi cũng xác nhận rằng không có phần thù lao nào của chúng tôi đã, đang, hoặc sẽ trực tiếp hay gián tiếp có liên quan đến các khuyến nghị hay quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Các chuyên viên phân tích nghiên cứu phụ trách các báo cáo này nhận được thù lao dựa trên nhiều yếu tố khác nhau, bao gồm chất lượng, tính chính xác của nghiên cứu, và doanh thu của công ty, trong đó bao gồm doanh thu từ các đơn vị kinh doanh khác như bộ phận Môi giới tổ chức, hoặc Tư vấn doanh nghiệp.

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Báo cáo này được viết dựa trên nguồn thông tin đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap không chịu trách nhiệm về độ chính xác của những thông tin này. Quan điểm, dự báo và những ước lượng trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các tổ chức đầu tư cũng như các nhà đầu tư cá nhân của Công ty cổ phần chứng khoán Vietcap và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Quyết định của nhà đầu tư nên dựa vào những sự tư vấn độc lập và thích hợp với tình hình tài chính cũng như mục tiêu đầu tư riêng biệt. Báo cáo này không được phép sao chép, tái tạo, phát hành và phân phối với bất kỳ mục đích nào nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Vietcap. Xin vui lòng ghi rõ nguồn trích dẫn nếu sử dụng các thông tin trong báo cáo này.

Thông tin liên hệ

Phòng Research

Duc Vu, Associate Director

+84 28 3914 3588, ext 363

duc.vu@vietcap.com.vn

Research team

+84 28 3914 3588

research@vietcap.com.vn

Nam Hoang, Head of Research

+84 28 3914 3588, ext 124

nam.hoang@vietcap.com.vn

Brokerage and Institutional Sales & Trading

Anthony Le

**Director, Brokerage &
Institutional Sales & Trading**

+84 28 3914 3588, ext 525

anthony.le@vietcap.com.vn

Quynh Chau

**Managing Director
Brokerage**

+84 28 3914 3588, ext 222

quynh.chau@vietcap.com.vn